TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thiện;

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1994; nơi thường trú: Ấp M, xã N, huyện U, tỉnh Kiên Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn C, sinh năm 1991; nơi thường trú: Ấp M, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Số 66B/22, khu phố P phường K, thành phố S, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2013, quyển số 02/2012, ngày 18 tháng 4 năm 2013.

Sau khi kết hôn, bà T và ông C sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C có người phụ nữ khác, ông C thường hay đem bà T ra so sánh với người phụ nữ khác, bà T nhắc nhở nhiều lần thì ông C nói do bà T và ông C không có

con chung nên ông C mới nhắn tin cho người phụ nữ khác để tìm con nhưng vấn đề không có không phải xuất phát từ bản thân bà T, bà T và ông C đã đến đi đến bệnh viện Từ Dũ khám và chữa bệnh nhưng nguyên nhận không phải do bà T, từ đó bà T và ông C thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm. Bà T đã cho ông C nhiều cơ hội nhưng vẫn không thay đổi. Bà T và ông C sống ly thân và không sống chung một nhà từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông C không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương: Ông C có đăng ký tạm trú tại số 66B/22, khu phố P, phường K, thành phố S, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo hình thức niêm yết công khai tại nơi tạm trú của ông C, Ủy ban nhân dân phường P, thành phố K, tỉnh Bình Dương và Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhưng ông C không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa.

Bà T có đơn xét xử vắng mặt và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C; về con chung: bà T khai không có con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C; ông C có nơi tạm trú tại số 66B/22, khu phố P, phường K, thành phố S, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, cố tình không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà T và ông C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C kết hôn vào ngày 18 tháng 4 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện U, tỉnh Kiên Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C chính quyền địa phương chưa nhận thấy mâu thuẫn gì tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có thái độ không hợp tác, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập để ông C tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt xem như ông đã từ bỏ quyền trình bày để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng chứng tỏ ông C không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Bà T và ông C sống ly thân và không sống chung một nhà từ đầu năm 2021 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc nhau.

[3.3] Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T khai trong quá trình chung sống bà T và ông C không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Võ Văn C về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Võ Văn C.

- Về con chung: Các đương sự khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004318 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà